

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 83/2023/HS-ST
Ngày: 18-7-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Đình Tú.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tuyết; ông Hoàng Xuân Ty.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Khắc Cường - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Ông Trần Thanh Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2023 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố B (TP. B), tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 72/2023/TLST-HS ngày 09 tháng 6 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2023/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 7 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Quốc B**; tên gọi khác: Không; sinh năm: 1979; tại: Lâm Đồng; giới tính: Nam; nơi ĐKNKTT và cư trú: Số 133/24 đường Trần Quốc Toản, phường B'lao, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật giáo; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Kinh doanh; con ông: Trần Thế Trung và bà: Nguyễn Thị Trinh; vợ: Nguyễn Thị Hồng Điệp, sinh năm 1980 và có 03 người con, lớn nhất sinh năm 2006, nhỏ nhất sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 03/4/2023 đến nay, có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chi cục thuế B – B; địa chỉ: Số N, đường H, Phường Y, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn H – Chi cục trưởng, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Đ; địa chỉ: Số M đường T, phường B, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty TNHH Tư vấn thiết kế Quy hoạch xây dựng K - Mã số doanh nghiệp:

5800920069 - địa chỉ: Số M đường T, TP. B, tỉnh Lâm Đồng. Giám đốc và người đại diện theo pháp luật của công ty là ông Trần Quốc B. Vào các năm từ 2017 đến năm 2019 để nhằm để giảm số tiền thuế thu nhập doanh nghiệp mà công ty TNHH Tư vấn thiết kế Quy hoạch xây dựng Kim Mộc phải nộp, Trần Quốc B đã có hành vi thu thập thông tin chứng minh nhân dân của các cá nhân từ nhiều nguồn khác nhau để từ đó làm hợp đồng lao động không kê khai trả lương và kê khai đóng thuế thu nhập cá nhân cho những người này cụ thể như sau:

- **Năm 2017**, Công ty K đã kê khai sử dụng 06 hợp đồng lao động không để thanh toán tiền lương, hạch toán tăng chi phí của công ty với tổng số tiền là 620.572.800đ. Cụ thể như sau:

1. Ngô Tùng Q; địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện D, Lâm Đồng;
2. Phan Linh S; địa chỉ: Số M đường N, phường L, TP. B, Lâm Đồng;
3. Trần Anh T; địa chỉ: Số K đường N, phường B, TP. B, Lâm Đồng;
4. Nguyễn Ngọc Ph; địa chỉ: Số X, đường Đ, phường L, TP. B, Lâm Đồng;
5. Nguyễn Nh; địa chỉ: Số K đường Ch, Phường J, TP. B, Lâm Đồng;
6. Nguyễn Hồng H; địa chỉ: Số V đường J, phường B, TP. B, Lâm Đồng;

- **Năm 2018**, Công ty TNHH Tư vấn thiết kế Quy hoạch xây dựng K đã lập 16 hợp đồng không để thanh toán tiền lương, hạch toán tăng chi phí của công ty với tổng số tiền là 1.712.028.800 đồng cụ thể như sau:

1. Lưu Quốc Đ; địa chỉ: Số Y đường T, phường B', thành phố B, Lâm Đồng;
2. Đoàn Thị Kim O; địa chỉ: Số M đường L, phường L, TP. B, Lâm Đồng;
3. Huỳnh Minh Q; địa chỉ: Số N đường L, phường L, TP. B, Lâm Đồng;
4. Đinh Minh Nh; địa chỉ: Đường L, phường L, TP. B, Lâm Đồng;
5. Nguyễn Thị L; địa chỉ: Số K đường C, Phường X, TP. B, Lâm Đồng;
6. Nguyễn Thị Kim C; địa chỉ: Số H đường J, phường B', TP. B, Lâm Đồng;
7. Trần Lê Công M; địa chỉ: Hẻm Q đường L, xã L, TP. B, Lâm Đồng;
8. Nguyễn Ngọc Ph; địa chỉ: Số B đường Đ, phường L, TP. B, Lâm Đồng;
9. Nguyễn Hoàng H; địa chỉ: Số X đường Đ, phường L, TP. B, Lâm Đồng;
10. Lê Văn Tr; địa chỉ: Số P đường T, phường L, TP. B, Lâm Đồng;
11. Nguyễn Văn Đ; địa chỉ: A đường M, phường L, TP. B, Lâm Đồng;
12. Nguyễn V; địa chỉ: Số H đường T, phường L, TP. B, Lâm Đồng;
13. Đoàn Văn Ph; địa chỉ: Số N đường L, phường L, TP. B, Lâm Đồng;
14. Phạm Thị L; địa chỉ: Số F đường K, phường B', TP. B, Lâm Đồng;
15. Nguyễn Văn B; địa chỉ: Số G đường L, phường L, TP. B, Lâm Đồng;
16. Nguyễn Đăng Duy T; địa chỉ: Số D đường K, phường B', TP. B, Lâm Đồng;

- **Năm 2019**, Công ty kê khai sử dụng 68 lao động, kết quả xác minh cho thấy có 14 lao động được lập hợp đồng không để thanh toán tiền lương, hạch toán tăng chi phí của công ty với tổng số tiền là 1.432.140.000 đồng:

1. Lưu Quốc Đ; địa chỉ: Số G đường T, phường B', TP. B, Lâm Đồng;
2. Đoàn Thị Kim O; địa chỉ: Số K đường L, phường L, TP. B, Lâm Đồng;
3. Huỳnh Minh Q; địa chỉ: Số M đường L, phường L, TP. B, Lâm Đồng;
4. Lê Thị M; địa chỉ: Số F đường T, phường L, TP. B, Lâm Đồng;
5. Nguyễn Thị L; địa chỉ: Số V đường T, phường L, TP. B, Lâm Đồng;

6. Đinh Minh Nh; địa chỉ: Đường L, phường L, TP. B, Lâm Đồng;
7. Nguyễn Thị L; địa chỉ: Số K đường C, Phường X, TP. B, Lâm Đồng;
8. Nguyễn Hoàng H; địa chỉ: Số C đường Đ, phường L, TP. B, Lâm Đồng;
9. Lê Văn Tr; địa chỉ: Số H đường T, phường L, TP. B, Lâm Đồng;
10. Nguyễn Văn Đ; địa chỉ: Số A đường M, phường L, TP. B, Lâm Đồng;
11. Nguyễn V; địa chỉ: Số M đường T, phường L, TP B Lộc, Lâm Đồng;
12. Đoàn Văn Ph; địa chỉ: Số K đường L, phường L, TP B Lộc, Lâm Đồng;
13. Phạm Thị L; địa chỉ: Số N đường K, phường B', TP B Lộc, Lâm Đồng;
14. Trần Thị Ch; địa chỉ: Số N đường T, phường L, TP B Lộc, Lâm Đồng

* Tại Kết luận giám định ngày 10/9/2021 của Cục thuế tỉnh Lâm Đồng xác định số thuế thu nhập Doanh nghiệp mà công ty TNHH Tư vấn thiết kế Quy hoạch xây dựng Kim Mộc đã trốn là:

- **Năm 2017:** Tổng giá trị giá trị tiền lương đơn vị kê khai nhưng thực tế không phát sinh là 620.572.8020 đồng; thu nhập để tính thuế TNDN là 620.572.800 đồng; thuế TNDN phải nộp: $620.572.800 \text{ đồng} \times 20\% = 124.114.560 \text{ đồng}$;

- **Năm 2018:** Tổng giá trị giá trị tiền lương đơn vị kê khai nhưng thực tế không phát sinh là 1.712.028.800 đồng; thu nhập để tính thuế TNDN là 1.712.028.800 đồng; thuế TNDN phải nộp: $1.712.028.800 \text{ đồng} \times 20\% = 342.405.760 \text{ đồng}$;

- **Năm 2019:** Tổng giá trị giá trị tiền lương đơn vị kê khai nhưng thực tế không phát sinh là 1.432.140.000 đồng; thu nhập để tính thuế TNDN là 1.432.140.000 đồng; thuế TNDN phải nộp: $1.432.140.000 \text{ đồng} \times 20\% = 286.428.000 \text{ đồng}$;

- **Tổng số thuế TNDN đã trốn là: 752.948.320 đồng;**

*Tại bản kết luận giám định số 1003/GĐ-PC-09 ngày 08/9/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lâm Đồng kết luận:

Chữ ký mang họ tên Huỳnh Minh Q trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A2, từ A51 đến A73 so với chữ ký ghi họ tên Huỳnh Minh Q trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1 không phải do một người ký ra.

Chữ ký mang họ tên Nguyễn Thị L trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A3, A4, từ A51 đến A73 so với chữ ký ghi họ tên Nguyễn Thị L trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M2 không phải do cùng một người ký ra.

Chữ ký mang họ tên Lê Thị M trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A5, từ A63 đến 473 so với chữ ký ghi họ tên Lê Thị M trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M3 không phải do cùng một người ký ra.

Chữ ký mang họ tên Lưu Quốc Đ trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A6, A7, từ A51 đến A73 so với chữ ký ghi họ tên Lưu Quốc Đ trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M4 không phải do cùng một người ký ra.

Chữ ký mang họ tên Đinh Minh Nh trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A8, A9, từ A51 đến A73 so với chữ ký ghi họ tên Đinh Minh Nh trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M5 không phải do cùng một người ký ra.

Chữ ký mang họ tên Nguyễn Hồng H trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A10, từ A38 đến A50 so với chữ ký ghi họ tên Nguyễn Hồng H trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M6 không phải do cùng một người ký ra.

Chữ ký mang họ tên Phan Linh S trên các tài liệu cần giám định ký hiệu từ A38

đến A50 so với chữ ký ghi họ tên Phan Linh S trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M7 không phải do cùng một người ký ra.

Chữ ký mang họ tên Ngô Tùng Q trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A12, từ A38 đến A50 so với chữ ký ghi họ tên Ngô Tùng Q trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M8 không phải do cùng một người ký ra.

Chữ ký mang họ tên Nguyễn Thị Kim C trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A13, từ A51 đến A62 so với chữ ký ghi họ tên Nguyễn Thị Kim C trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M9 không phải do cùng một người ký ra.

Chữ ký mang họ tên Nguyễn Hoàng H trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A14, A15, từ A51 đến A61 và từ A63 đến A73 so với chữ ký ghi họ tên Nguyễn Hoàng H trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M10 không phải do cùng một người ký ra.

Chữ ký mang họ tên Nguyễn Ngọc Ph trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A16, A17, A18, từ A51 đến A73 so với chữ ký ghi họ tên Nguyễn Ngọc Ph trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M11 không phải do cùng một người ký ra.

Chữ ký mang họ tên Trần Anh T trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A19, từ A38 đến A49 so với chữ ký ghi họ tên Trần Anh T trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M12 không phải do cùng một người ký ra.

Chữ ký mang họ tên Đặng Duy T trên tài liệu cần giám định ký hiệu A20 so với chữ ký ghi họ tên Nguyễn Đăng Duy T trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M13 không phải do cùng một người ký ra.

Chữ ký mang họ tên Nguyễn Đăng Duy T trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A21, từ A51 đến A73 so với chữ ký ghi họ tên Nguyễn Đăng Duy T trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M13 không phải do cùng một người ký ra.

Chữ ký mang họ tên Phạm Thị L trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A22, A23, từ A51 đến A73 so với chữ ký ghi họ tên Phạm Thị L trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M14 không phải do cùng một người ký ra.

Chữ ký mang họ tên Trịnh Thanh T trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A24, từ A51 đến A62 so với chữ ký ghi họ tên Trịnh Thanh T trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M15 không phải do cùng một người ký ra.

Chữ ký mang họ tên Đoàn Văn Ph trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A25, A26, từ A51 đến A73 so với chữ ký ghi họ tên Đoàn Văn Ph trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M16 không phải do cùng một người ký ra.

Chữ ký mang họ tên Nguyễn V trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A27, A28, từ A51 đến A73 so với chữ ký ghi họ tên Nguyễn V trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M17 không phải do cùng một người ký ra.

Chữ ký mang họ tên Nguyễn Nh trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A29, từ A38 đến A50 so với chữ ký ghi họ tên Nguyễn Nh trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M18 không phải do cùng một người ký ra.

Chữ ký mang họ tên Trần Thị Ch trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A30, từ A63 đến A73 so với chữ ký ghi họ tên Trần Thị Ch trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M19 không phải do cùng một người ký ra.

Chữ ký mang họ tên Nguyễn Văn Đ trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A31, A32, từ A51 đến A73 so với chữ ký ghi họ tên Nguyễn Văn Đ trên tài liệu mẫu so sánh

ký hiệu M20 không phải do cùng một người ký ra.

Chữ ký mang họ tên Đoàn Thị Kim O trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A33, A34, từ A51 đến A73 so với chữ ký ghi họ tên Đoàn Thị Kim O trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M21 không phải do cùng một người ký ra.

Chữ ký mang họ tên Trần Lê Công M trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A35, từ A51 đến A62 so với chữ ký ghi họ tên Trần Lê Công M trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M22 không phải do cùng một người ký ra.

Chữ ký mang họ tên Nguyễn Thị L trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A36, từ A63 đến A73 so với chữ ký ghi họ tên Nguyễn Thị L trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M23 không phải do cùng một người ký ra.

Chữ ký mang họ tên Nguyễn Văn B trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A37, từ A51 đến A62 so với chữ ký ghi họ tên Nguyễn Văn B trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M24 không phải do cùng một người ký ra.

Chữ ký mang họ tên Trần Quốc B trên các tài liệu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A63, A71, A72, A73 so với chữ ký ghi họ tên Trần Quốc B trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M25 đến M31 là do cùng một người ký ra.

*Tại Bản kết luận giám định số 1496/GĐ-PC09 ngày 31/12/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lâm Đồng kết luận:

Chữ ký mang họ tên Lê Văn Tr trên các tài liệu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A25 so với chữ ký của Lê Văn Tr trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1 không phải do một người ký ra.

Chữ ký mang họ tên Trần Văn L trên các tài liệu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A15 đến A26 so với chữ ký của Trần Văn L trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M2 không phải do một người ký ra.

Về vật chứng: Quá trình điều tra Cơ quan CSĐT đã thu giữ các Báo cáo thuế và các hợp đồng lao động, bảng lương của Công ty TNHH Tư vấn thiết kế Quy hoạch xây dựng Kim M vào các năm 2017, 2018, 2019.

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình, không thắc mắc, khiếu nại với nội dung cáo trạng đã đã truy tố;

Bản Cáo trạng số 87/CT-VKSLĐ ngày 31 tháng 5 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B truy tố bị cáo Trần Quốc B về tội “Trốn thuế” theo điểm b, d khoản 2 Điều 200 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, d khoản 2 Điều 200; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 35 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Trần Quốc B từ 600.000.000 đồng đến 700.000.000 đồng và đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Buộc bị cáo B phải nộp án phí Hình sự sơ thẩm.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra công an tỉnh Lâm Đồng,

Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về căn cứ xác định tội: Trần Quốc B là giám đốc và là người đại diện theo pháp luật TNHH Tư vấn thiết kế Quy hoạch xây dựng K. Vào các năm 2017, 2018, 2019 Trần Quốc B đã có hành vi thu thập các thông tin của 24 cá nhân không lao động thực tế tại công ty để lập hợp đồng lao động không sau đó kê khai chi trả lương cho những người này để làm tăng chi phí doanh nghiệp nhằm mục đích trốn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 03 năm là 752.948.320đ (*Bảy trăm năm mươi hai triệu chín trăm bốn mươi tám nghìn ba trăm hai mươi đồng*). Đối chiếu lời khai của bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, kết luận giám định và những tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa có đủ căn cứ khẳng định hành vi của bị cáo B đã phạm vào tội “Trốn thuế”, tội danh và hình phạt được quy định tại điểm b, d khoản 2 Điều 200 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[3] Về tính chất mức độ, hậu quả hành vi phạm tội: Hành vi của Trần Quốc B là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chính sách thuế của Nhà nước đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh, làm giảm sút nguồn thu ngân sách của Nhà nước, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Vì vậy, cần áp dụng cho bị cáo một hình phạt nghiêm khắc để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã nộp số tiền trốn thuế đã trốn để khắc phục hậu quả. Xét không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính cũng đủ tính răn đe, giáo dục.

[5] Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng: Đối với các Báo cáo thuế và các hợp đồng lao động, bảng lương của Công ty TNHH Tư vấn thiết kế Quy hoạch xây dựng K vào các năm 2017, 2018, 2019 là chứng cứ được lưu vào hồ sơ vụ án nên không đề cập xử lý.

[7] Đối với bà Nguyễn Thị Hồng Đ là chủ sở hữu công TNHH Tư vấn thiết kế Quy hoạch xây dựng K, quá trình điều tra xác định: Vào năm 2016 bà Đ đã giao lại toàn bộ quyền hạn về hoạt động kinh doanh, hạch toán thu chi tài chính, ký kết hợp đồng cho Trần Quốc B là giám đốc công ty. Việc Trần Quốc B có hành vi lập hợp đồng lao động không để trốn thuế trong các năm 201, 2018, 2019 với tổng số tiền là 752.948.320đ bà Đ không biết và cũng không được hưởng lợi gì. Do vậy Cơ quan CSĐT không xem xét trách nhiệm hình sự đối với bà Đ là đúng quy định của pháp luật.

[8] Về án phí: Buộc bị cáo B phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định
Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Tuyên bố bị cáo **Trần Quốc B** phạm tội “Trốn thuế”;

Áp dụng điểm b, d khoản 2 Điều 200; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 35; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo Trần Quốc B 600.000.000 đồng (*Sáu trăm triệu đồng*).

2/ Về án phí: Căn cứ Khoản 2 Điều 136 BLTTHS năm 2015 và Nghị quyết số 326 của Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án buộc bị cáo B phải nộp 200.000 (*Hai trăm ngàn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo, riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc ngày niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Sở tư pháp;
- VKSND TP. B;
- Công an TP. B;
- Nhà tạm giữ;
- Người tham gia tố tụng;
- Chi cục T.H.A dân sự TP. B;
- Lưu hồ sơ.

Trịnh Đình Tú

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ ngày 18 tháng 7 năm 2023;

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B , tỉnh Lâm Đồng;

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Đình Tú

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tuyết; ông Hoàng Xuân Ty;

Tiến hành nghị án vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 72/2023/TLST-HS ngày 09 tháng 6 năm 2023 đối với: Bị cáo Trần Quốc B, sinh năm 1979, tại: Lâm Đồng;

Căn cứ Điều 299 và Điều 326 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN,

BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

1/ Về tội danh và hình phạt: Tuyên bố bị cáo **Trần Quốc B** phạm tội “Trốn thuế”;

Áp dụng điểm b, d khoản 2 Điều 200; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 35; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo Trần Quốc B 600.000.000 đồng (*Sáu trăm triệu đồng*). Biểu quyết: 3/3.

2/ Về án phí: Căn cứ Khoản 2 Điều 136 BLTTHS năm 2015 và Nghị quyết số 326 của Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án buộc bị cáo B phải nộp 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm. Biểu quyết: 3/3.

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo. Nghị án kết thúc vào hồi giờ phút ngày 18 tháng 7 năm 2023.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trịnh Đình Tú

